Danh sách thi sinh xác nhận nhập học
Xét tuyển bằng học bạ THPT

STT	SBD	Họ tên	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
1	03005908	NGUYỄN XUÂN BÁCH	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
2	39007137	BÙI THẾ BẢO	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
3	43007938	NGUYỄN THANH DANH	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
4	50000675	QUANG NGUYỄN GIA ĐẠT	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
5	37015593	HUỲNH QUỐC ĐOÀN	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
6	37008367	NGUYỄN PHAN HỒNG ĐỨC	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
7	53001428	NGUYỄN THUÝ DUY	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
8	37004379	TRẦN THANH DUY	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
9	44006786	LÊ VĂN CÔNG HẬU	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
10	52002393	NGUYỄN CÔNG HẬU	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
11	41008945	BÙI VĂN HÒA	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
12		LÊ THÁI HÒA	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
13	37006496	TRƯƠNG NHẬT HOÀNG	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
14		NGUYỄN THANH HÙNG	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
15	28032062	LÊ THI LAN HƯƠNG	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
16	38006544	TRẦN NGỌC HỮU	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
17	37009052	TRƯƠNG QUANG HỮU	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
18	40017028	LƯƠNG PHAN HUY	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
19	53003580	TRẦN QUANG KHẢI	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
20	60001595	DƯƠNG VĂN KHÁNH	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
21	37012207	TÔ NGỌC KHOA	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
22	02067400	TRẦN TRUNG KHOA	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
23		NGUYỄN HỒ HOÀI LINH	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
24	39009107	NGUYỄN THÀNH LONG	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
25	39004159	NGUYỄN THÀNH LUÂN	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
26	28025601	LÊ HỒNG MINH	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
27	49002494	ĐOÀN THỊ MỘNG NA	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
28	02014413	TRẦN NGUYỄN NHẬT NAM	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
29	44004311	TỪ ĐẠI NGHĨA	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
30	60001722	NGUYỄN THỊ HỒNG NHI	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
31	48019596	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
32	38010427	NGUYỄN TỨ QUÂN	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
33	53010254	VÕ HOÀNG QUÂN	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
34	46005789	NGUYỄN PHÚ QUỐC	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
35	40020058	PHẠM PHÚ QUÝ	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
36	29024018	NGUYỄN HỮU TÂN	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
37	46002371	TRẦN THANH THÁI	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
38	39003986	NGUYỄN QUỐC THANH	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

Danh sách thi sinh xác nhận nhập học
Xét tuyển bằng học bạ THPT

STT	SBD	Họ tên	Mã ngành trúng tuyển	Tên ngành trúng tuyển
39	39004572	NGUYỄN HỮU THIỆN	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
40	47009596	NGUYỄN BÁ THƯỞNG	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
41	60004697	NGUYỄN CHÍ TÍNH	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
42	48019680	LÊ LONG TRIỀU	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
43	32002762	HOÀNG ANH TUẤN	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
44		CÙ XUÂN TUẤN	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
45	53011580	LÊ MINH TƯỜNG	GSA - 14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông